TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 21-3- 2018
V/v tranh chấp "Ly hôn,".
Giữa N B T và
N T Đ T T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hoàng .

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Bà nguyễn Thị Hưởng

2. Bà Đặng Thị Bích Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 21 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2018/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 02 năm 2018, về việc tranh chấp*" Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXX-ST, ngày 09tháng 3năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông N B T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp X , xã M Y, huyện B L, tỉnh Long An

Bị đơn: Bà N T Đ T T, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp X, xã M Y, huyện B L, tỉnh Long An

(Các đương sự triệu tập có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông N B T trình bàyy trong đơn khởi kiện cũng như tại Tòa án và nộp các tài liệu chứng cứ yêu cầu giải quyết như sau:

Ông N B T, bà N T Đ T T xác lập quan hệ hôn nhân năm 2006 và đăng ký kết hôn tại UBND xã M Y vào năm 2016.

Ông và bà T chung sống tại xã M Y, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, quá trình chung sống hạnh phúc được 7- 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông thường đi chơi buổi tối, mỗi lần ông đi chơi về bà T thường hay kiếm chuyện cãi vã và đánh ông, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hai bên không tìm được biện pháp giải quyết nên ông và bà T đã sống ly thân từ tháng 12/2017 cho đến nay. Nay ông không thể tiếp tục chung sống với bà N T Đ T T và yêu cầu được ly hôn.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Vợ chồng chung sống không có nợ ai và cũng không ai nợ ông và bà T

Tài liệu chứng cứ ông T cung cấp cho Tòa án gồm: 01 bản sao giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu.

Bị đơn bà N T Đ T T trình bày thống nhất với lời trình bày của ông T về thời gian và điều kiện kết hôn. Bà và ông T có thời gian dài chung sống không có mâu thuẫn gì lớn, bà không làm gì có lỗi với ông T, thời gian gần đây ông T thường đi chơi đêm , bà có đi tìm hiểu thì có thông tin cho rằng ông T đi ở trọ với người phu nữ khác, ông T xin ly hôn bà không đồng ý.

Về nuôi con chung: Bà và ông T chung sống không có con chung .

Về nợ chung : Không có nợ chung .

Về tài sản chung: Tại phiên bà T trình bày vợ chồng chung sống có tạo dựng căn nhà cấp 4 tại xã M Y , bà yêu cầu được chia tài sản .

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và bị đơn đồng ý ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Ông N B T khởi kiện ly hôn với bà N T Đ T T.. Căn cứ Điều 28; Điểm a Khoản 1 các Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp "*Ly hôn ",* thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Về nội dung tranh chấp:

[2] Ông N B T , bà N T Đ T T, xác lập quan hệ vợ chồng năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã M Y , huyện B L, tỉnh Long An theo giấy đăng ký kết hôn số 39/2016,ngày 15/7/2016. Căn cứ Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà N T Đ T T. Hội đồng xét xử xét thấy hai anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng có thời gian dài chung sống, nhìn chung có đảm bảo hạnh phúc. Do bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt hàng ngày và tính tình không hợp nhau, từ đó dẫn đến cãi vã nhau ông T và bà T không tìm được biện pháp giải quyết và vẫn sống ly thân từ 12/2017 cho đến nay. Ông T quyết định nộp đơn khởi kiện ly hôn và tại phiên tòa, vẫn kiên quyết ly hôn, tại phiên tòa bà T đồng ý. Từ đó, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa ông N B T và bà N T Đ T T .

[4] Về nuôi con chung: Ông T và bà T chung sống không có con chung .

[6] Tài sản chung: Tại phiên Tòa bà T yêu cầu được chia tài sản căn nhà cấp 4 tại xã M Y. Xét yêu cầu của bà T theo quy định tại khoản 3 Điều 200, khoản 2 Điều

201 Bộ luật tố tụng dân sự quy định " bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải" xét thấy bà T có yêu cầu sau khi mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ do đó Tòa án tách yêu cầu của bà T thành một vụ án khác.

[8] Án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông N B T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35; Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 51; Điều 55, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông N B T

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của ông N B T và bà N T Đ T T .

2. Về nuôi con chung: Ông N B T và bà N T Đ T T không có con chung.

3. Về án phí: Ông N B T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí ông T đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 06197 ngày 05/02/2018 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An chuyển sang án phí sung quỹ Nhà nước.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
-VKSND huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- UBND xã M Y;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Hoàng